

Bản án số: 09 /2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc H.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân T

2. Bà Phạm Thị H

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Trần H – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 13, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

(Ông G, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Do có quen biết là hàng xóm, tôi có cho bà Phạm Thị Ánh T các lần vay và số tiền như sau:

- + Lần 1: Ngày 16/5/2020 vay 290.000.000đ.
- + Lần 2: Ngày 18/6/2020 vay 430.000.000đ.
- + Lần 3: Ngày 25/6/2020 vay 300.000.000đ.
- + Lần 4: Ngày 02/7/2020 vay 100.000.000đ.
- + Lần 5: Ngày 08/7/2020 vay 90.000.000đ.
- + Lần 6: Ngày 09/7/2020 vay 200.000.000đ.

+ Lần 7: Ngày 25/8/2020 vay 110.000.000đ.

Tổng 07 lần vay tổng số tiền là: 1.520.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Khi vay 02 bên đều viết giấy nhận nợ (Lãi xuất theo thỏa thuận), mục đích chị T vay là để kinh doanh. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả. Nhưng chúng tôi thống nhất là khi nào tôi cần, tôi đòi thì bà T có trách nhiệm trả đủ số tiền gốc mà bà T vay của tôi. Đến khi tôi cần tiền, tôi đã đến nhà bà T để đòi nhiều lần, nhưng bà T không trả. Vậy tôi đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả số tiền gốc còn nợ là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng). Do bà T gặp khó khăn tôi không yêu cầu bà T phải trả lãi xuất. Tại phiên tòa ông G cũng tạo điều kiện cho bà T về việc trả nợ, ông đồng ý cho bà T trả làm 3 lần trong năm 2022 mỗi lần là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn, bà Phạm Thị Ánh T trình bày: Do có quen biết là hàng xóm, tôi vay của ông Nguyễn Văn G các lần vay và số tiền như sau:

+ Lần 1: Ngày 16/5/2020 vay 290.000.000đ.

+ Lần 2: Ngày 18/6/2020 vay 430.000.000đ

+ Lần 3: Ngày 25/6/2020 vay 300.000.000đ.

+ Lần 4: Ngày 02/7/2020 vay 100.000.000đ.

+ Lần 5: Ngày 08/7/2020 vay 90.000.000đ.

+ Lần 6: Ngày 09/7/2020 vay 200.000.000đ.

+ Lần 7: Ngày 25/8/2020 vay 110.000.000đ.

Tổng 07 lần vay tổng số tiền là: 1.520.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Khi vay 02 bên đều viết giấy nhận nợ (lãi xuất theo thỏa thuận là 3 nghìn/ngày), mục đích tôi vay là để kinh doanh. Sau khoảng 5 tháng tôi xin xuống 2 nghìn/ngày và ông G cũng đồng ý. Đến nay tôi đã trả được số tiền lãi là 572.000.000đ (Năm trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Nay ông G khởi kiện yêu cầu tôi trả toàn bộ cho ông G số tiền 1.520.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tôi phải trả tiền lãi, tôi nhất trí trả cho ông G. Nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn, vỡ nợ, tài sản nhà cửa đã bán hết. Tôi không còn khả năng trả số tiền 1.520.000.000 đồng tiền gốc cho ông G ngay được. Tôi đi làm thợ may mỗi tháng thu nhập từ 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng. Tôi xin trả 5.000.000đồng/tháng cho ông G cho đến khi tôi trả hết số tiền nợ gốc trên. Còn đối với chữ viết Hoàng Minh T (là tên của chồng bà) trong các giấy nhận nợ mà bà đã viết nhận nợ với ông G là bà tự viết chứ ông Hoàng Minh T không hề biết việc vay nợ giữa bà và ông G và bà cũng không đem số tiền bà vay của ông G về đưa cho ông T. Ông Hoàng Minh T không biết và không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà và ông G. Đây là

khoản tiền bà vay riêng của ông G, vay không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng ông, bà. Tại phiên Tòa ông G tạo điều cho tôi trả làm 3 lần trong năm 2022, 2 lần là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 1 lần 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) nhưng tôi vẫn không có khả năng để trả được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị Ánh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phạm Thị Ánh T cư trú tại xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại bản tự khai tại Tòa án, bà T xác nhận trong các giấy nhận nợ mà bà đã viết với ông G, bà có viết tên Hoàng Minh T (là chồng bà) vào các giấy nhận nợ nhưng ông T không hề biết việc vay nợ giữa bà và ông G, mà là do bà tự viết tên Hoàng Minh T (là chồng bà) vào các giấy nhận nợ với ông G. Ông T không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà và ông G. Đây là khoản tiền bà vay riêng của ông G, vay không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng ông, bà. Ông G cũng xác định việc bà T vay tiền của ông chỉ có bà T ký nhận, còn có tên ông T trong giấy vay tiền là do bà T tự viết, ông T không biết và không liên quan gì đến khoản vay này. Từ những nội dung trên xét thấy ông T không liên quan gì đến vụ án “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa ông G và bà T nên không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án phải đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. *Về nội dung vụ kiện*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Bà T có vay tiền của ông G 7 lần tổng số tiền là 1.520.000.000đ lãi xuất thỏa thuận bằng miệng không ghi vào giấy nhận tiền là có thật được thể hiện ở các giấy vay tiền (ngày 16/5/2020, ngày 18/6/2020, ngày 25/6/2020, ngày 02/7/2020, ngày 08/7/2020, ngày 09/7/2020 và ngày 25/8/2020. Đây là hợp đồng vay tài sản có sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự nên được pháp luật thừa nhận vào bảo vệ. Kể từ ngày vay đến nay bà đã trả cho ông G là 572.000.000đ (Năm trăm bảy mươi hai triệu đồng) tiền lãi còn tiền gốc bà chưa trả cho ông G được đồng nào. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Anh T cũng thừa nhận đã vay của ông G

1.520.000.000 đồng tiền gốc như ông G trình bày là đúng, bà cũng nhất trí trả cho ông G số tiền gốc trên, nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, vỡ nợ, tài sản nhà cửa đã bán hết không còn khả năng trả số tiền 1.520.000.000 đồng cho ông G ngay được. Tại phiên tòa ông G cũng tạo điều kiện cho bà T về việc trả nợ, ông cho bà T trả làm 3 lần trong năm 2022, 2 lần trả là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 1 lần là 520.000.000đ nhưng bà T cũng không có điều kiện để trả ngay cho ông G được và ông G cũng không nhất trí cho bà T trả như bà T đã trình bày. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông G khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G, buộc bà T phải trả cho ông G số tiền gốc là 1.520.000.000đ (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn G không yêu cầu bà Phạm Thị T trả tiền lãi từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi nên ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ánh T phải chịu 1.520.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 21.600.000 đồng (3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng) = 57.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 và khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 463, điều 466, điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G.

Buộc bà Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền là 1.520.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ánh T phải chịu 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc H